

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010/TT-BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		6.124.312.405.686	4.214.234.184.024
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.01	2.163.754.411.363	1.511.653.564.168
1. Tiền	111		1.482.754.411.363	1.222.653.564.168
Trong đó : Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán			1.478.151.835.209	1.220.193.211.104
2. Các khoản tương đương tiền	112		681.000.000.000	289.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.02	1.732.939.848.789	1.208.811.808.953
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.776.849.226.227	1.251.185.673.088
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(43.909.377.438)	(42.373.864.135)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.207.368.160.763	1.489.920.517.726
1. Phải thu của khách hàng	131	VI.07	1.670.574.287.201	913.645.353.416
2. Trả trước cho người bán	132	VI.08	7.636.381.918	8.066.208.100
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	VI.07	9.641.604.511	185.010.262
5. Các khoản phải thu khác	138	VI.07	595.887.968.370	659.153.321.374
Dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác đầu tư ngắn hạn	139	VI.10	(76.372.081.237)	(91.129.375.426)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.249.984.771	3.848.293.177
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.577.414.072	2.238.609.717
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	VI.07	96.708.354	54.592.720
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại TP chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		14.575.862.345	1.555.090.740



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư nhận giữ hộ	002		-	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý	003		-	-
4. Ngoại tệ các loại	004		-	-
5. Nguồn vốn khấu hao	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		13.223.803.700.000	12.849.119.240.000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		11.307.464.650.000	11.254.258.750.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		128.453.070.000	186.493.870.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		9.824.698.420.000	9.605.439.350.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		1.354.313.160.000	1.462.325.530.000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		201.335.790.000	174.383.220.000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		-	-
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		194.264.990.000	173.838.220.000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		7.070.800.000	545.000.000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017		814.512.190.000	865.812.190.000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		-	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		814.512.190.000	865.812.190.000
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020		-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023		-	-
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024		-	-
6.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025		-	-
6.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027		868.347.920.000	545.665.500.000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		1.331.800.000	1.340.000.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		853.540.420.000	530.836.300.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		13.475.700.000	13.489.200.000
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	031		-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032		-	-
6.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033		-	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034		-	-
6.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035		-	-
6.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	036		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037		32.143.150.000	8.999.580.000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		-	1.570.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		31.886.660.000	8.718.520.000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		256.490.000	279.490.000
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041		-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042		-	-
6.8.1 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043		-	-
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044		-	-
6.8.3 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045		-	-
6.8.4 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay giao dịch của tổ chức khác	046		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		885.112.510.000	860.405.510.000
Trong đó:			-	-
7.1 Chứng khoán giao dịch	051		697.814.090.000	761.941.870.000
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		7.220.310.000	7.220.450.000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		545.447.940.000	685.919.900.000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		145.145.840.000	68.801.520.000
7.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055		-	-
7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		152.345.180.000	64.922.200.000
7.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057		1.000.000.000	1.000.000.000
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		63.922.200.000	63.922.200.000
7.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059		87.422.980.000	-
7.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060		-	-
7.3 Chứng khoán cầm cố	061		32.580.440.000	32.580.440.000
7.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062		-	-
7.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063		32.580.440.000	32.580.440.000
7.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064		-	-
7.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065		-	-
7.4 Chứng khoán tạm giữ	066		-	-
7.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067		-	-
7.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068		-	-
7.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069		-	-
7.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070		-	-
7.5 Chứng khoán chờ thanh toán	071		2.372.800.000	961.000.000
7.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072		-	-
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		2.372.800.000	961.000.000
7.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074		-	-
7.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	075		-	-
7.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076		-	-
7.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077		-	-
7.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078		-	-
7.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079		-	-
7.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	080		-	-
7.7 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081		-	-
8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		-	-
10 Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084		-	-

Người Lập Biểu


 Đặng Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng


 Hoàng Thị Minh Thủy



TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2014
 P. Tổng Giám Đốc


 Nguyễn Hồng Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		3.233.258.214.214	3.130.495.998.938
I Các khoản phải thu dài hạn	210		1.408.366.185.454	1.234.696.750.827
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	VI.09	1.485.971.757.973	1.327.139.430.687
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác đầu tư dài hạn	219	VI.10	(77.605.572.519)	(92.442.679.860)
II. Tài sản cố định	220		135.312.991.063	135.169.960.898
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.04	17.744.524.760	19.578.812.231
<i>Nguyên giá</i>	222		77.967.328.115	78.169.811.957
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(60.222.803.355)	(58.590.999.726)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.05	117.568.466.303	115.591.148.667
<i>Nguyên giá</i>	228		159.145.106.421	156.122.984.331
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(41.576.640.118)	(40.531.835.664)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.612.352.868.369	1.685.920.748.936
1. Đầu tư vào công ty con	251	VI.02	342.000.000.000	342.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.02	-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	VI.02	902.549.637.699	980.424.576.989
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		902.549.637.699	980.424.576.989
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.02	538.617.000.000	538.617.000.000
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	259	VI.02	(170.813.769.330)	(175.120.828.053)
V. Tài sản dài hạn khác	260		77.226.169.328	74.708.538.277
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.03	426.035.646	348.592.824
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.16	50.659.958.676	50.719.770.447
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	VI.06	19.982.911.796	17.482.911.796
4. Tài sản dài hạn khác	268		6.157.263.210	6.157.263.210
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		9.357.570.619.900	7.344.730.182.962

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		4.117.464.567.091	2.349.140.314.319
I. Nợ ngắn hạn	310		4.117.464.567.091	2.349.140.314.319
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.17	461.668.935.458	358.961.041.321
2. Phải trả người bán	312		529.976.085	154.925.130
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.12	69.581.433.750	150.871.433.750
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.14	70.963.246.492	33.517.176.697
5. Phải trả người lao động	315		19.600.906.362	19.681.720.419
6. Chi phí phải trả	316	VI.11	34.040.273.224	11.787.063.789
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.13	1.917.028.305.489	538.843.734.476
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	VI.18	1.459.525.339.677	1.133.324.320.442
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		6.824.717.480	11.152.796.929
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		609.603.590	605.427.160
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		76.991.338.576	89.950.440.876
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		100.490.908	290.233.330
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.240.106.052.809	4.995.589.868.643
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.15	5.240.106.052.809	4.995.589.868.643
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.537.949.420.000	3.537.949.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		344.944.356.378	344.944.356.378
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(89.246.317.760)	(89.246.317.760)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		335.813.119.252	335.813.119.252
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.110.645.474.939	866.129.290.773
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440		9.357.570.619.900	7.344.730.182.962

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Quý 1 năm 2014

Đơn vị tính: VND

1	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ 1		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	2	3		4	5	6	7
1	Doanh thu	01		382.664.766.590	185.611.972.264	382.664.766.590	185.611.972.264
	<i>Trong đó:</i>						
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		76.404.941.442	33.887.714.264	76.404.941.442	33.887.714.264
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	VI.19	224.782.827.364	56.273.511.833	224.782.827.364	56.273.511.833
	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-	-	-
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		42.873.288	-	42.873.288	-
	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		2.254.067.605	2.109.553.261	2.254.067.605	2.109.553.261
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		1.344.093.020	1.115.492.074	1.344.093.020	1.115.492.074
	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-	-	-
	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		186.632.671	177.714.887	186.632.671	177.714.887
	Doanh thu khác	01.9	VI.20	77.649.331.200	92.047.985.945	77.649.331.200	92.047.985.945
2	Các khoản giảm trừ doanh t.u	02		-	-	-	-
3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		382.664.766.590	185.611.972.264	382.664.766.590	185.611.972.264
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.21	77.910.614.445	11.199.872.116	77.910.614.445	11.199.872.116
	<i>Trong đó:</i>						
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.1		110.276.561.395	119.581.634.747	110.276.561.395	119.581.634.747
	Chi phí dự phòng chứng khoán	11.2		(32.365.946.950)	(108.381.762.631)	(32.365.946.950)	(108.381.762.631)
5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		304.754.152.145	174.412.100.148	304.754.152.145	174.412.100.148
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.22	3.014.655.161	2.487.739.178	3.014.655.161	2.487.739.178
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		301.739.496.984	171.924.360.970	301.739.496.984	171.924.360.970
8	Thu nhập khác	31		1.225.537.935	16.282.472.289	1.225.537.935	16.282.472.289
9	Chi phí khác	32		600.019	-	600.019	-
10	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	VI.23	1.224.937.916	16.282.472.289	1.224.937.916	16.282.472.289
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		302.964.434.900	188.206.833.259	302.964.434.900	188.206.833.259
12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		57.966.453.503	37.154.620.205	57.966.453.503	37.154.620.205
13	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		291.637.160	2.548.321.030	291.637.160	2.548.321.030
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		244.706.344.237	148.503.892.024	244.706.344.237	148.503.892.024
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-

Người Lập Biểu

Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Minh Thủy



TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2014
 P. Tổng Giám Đốc

Nguyễn Hồng Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy Kế Từ Đầu Năm Đến Cuối Quý Năm	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	302.964.434.900	188.206.833.259
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.879.091.925	4.651.905.442
- Các khoản lập dự phòng	03	(32.365.946.950)	(108.381.762.631)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi lỗ hoạt động đầu tư	05	(119.839.619.564)	(16.493.022.244)
- Chi phí lãi vay	06	1.317.329.115	2.361.086.071
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	154.955.289.426	70.345.039.897
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(853.382.987.179)	(174.676.741.885)
- Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn	10	(525.663.553.139)	427.914.349.762
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	1.646.095.761.400	490.687.303.919
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(3.416.247.177)	(1.005.754.999)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.339.120.595)	(2.715.534.314)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(25.885.566.623)	(9.820.919.352)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	20.000.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(23.960.704.300)	(8.842.753.163)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	367.422.871.813	791.884.989.865
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(766.604.075)	(2.529.694.320)
2. Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	25.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.170.741.780)	(52.596.083.300)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	173.130.570.000	51.979.172.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.809.861.100	914.742.890
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	182.004.085.245	2.768.137.270

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	15.854.880.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn được nhận	33	1.526.056.353.213	740.995.512.302
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.423.348.459.076)	(937.621.638.243)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(34.004.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	102.673.890.137	(180.771.245.941)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	652.100.847.195	613.881.881.194
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.511.653.564.168	1.712.297.012.483
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.163.754.411.363	2.326.178.893.677

Người Lập Biểu

Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Minh Thùy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2014

P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu - Quý 1 năm 2014	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.537.949.420.000	-	-	3.537.949.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		344.944.356.378	-	-	344.944.356.378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		(89.246.317.760)	-	-	(89.246.317.760)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		335.813.119.252	-	-	335.813.119.252
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		866.129.290.773	244.706.344.237	190.160.071	1.110.645.474.939
Cộng		4.995.589.868.643	244.706.344.237	190.160.071	5.240.106.052.809

Chỉ tiêu - Quý 1 năm 2013	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.526.117.420.000	11.832.000.000	-	3.537.949.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		340.921.476.378	4.022.880.000	-	344.944.356.378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		(89.246.186.000)	-	-	(89.246.186.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		289.383.181.436	-	-	289.383.181.436
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		921.016.945.812	148.503.892.024	709.407.304	1.068.811.430.532
Cộng		4.988.192.837.626	164.358.772.024	709.407.304	5.151.842.202.346

Người Lập Biểu



Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thủy



TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2014

P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý 01 năm 2014 (chưa hợp nhất) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ
3. Ngành nghề kinh doanh : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán.
4. Tổng số nhân viên : 425
5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Giải thích chênh lệch lợi nhuận quý 1/2014 với quý 1/2013: kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế quý 1/2014 của Công ty lãi 244.706.344.237 đồng, tăng 65% (tương ứng 96.202.452.213 đồng) so với cùng kỳ quý 1/2013 chủ yếu do trong quý 1.2014 thị trường tăng trưởng tốt và thanh khoản cao nên hoạt động môi giới và đầu tư của Công ty đạt kết quả khả quan với mức tăng lần lượt là 125% (tương ứng 42.517.227.178 đồng) và 299% (tương ứng 168.509.315.531 đồng) so với cùng kỳ năm 2013.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm tài chính thứ 14 của Công ty.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 (thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính) và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo:
 - ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
 - ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
 - ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này, Công ty không áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 07 - Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Các chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận và trình bày các khoản đầu tư vào công ty con và các công ty liên kết được trình bày dưới đây.

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

3. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao

6. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

7. Đầu tư vào chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản cổ tức bằng tiền và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 03 năm 2014.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2014 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 03 năm 2014.

8. Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên các báo cáo tài chính riêng của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các công ty con được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

12. Cổ phiếu ngân quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

13. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

15. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- ▶ Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.
- ▶ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

17. Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN QUÍ 1 NĂM 2014**1. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Ngân hàng đầu tư và khác	Tổng cộng
Quý 1 năm 2014					
1. Doanh thu trực tiếp	116.261.791.890	224.782.827.364	40.340.309.883	2.483.573.564	383.868.502.701
2. Các chi phí trực tiếp	20.928.789.998	(25.956.333.258)	15.751.383.127	603.397.916	11.327.237.783
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	53.772.864.474	5.767.220.300	2.979.880.559	7.056.864.685	69.576.830.018
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	41.560.137.418	244.971.940.322	21.609.046.197	(5.176.689.037)	302.964.434.900
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014					
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	3.165.682.393.189	3.596.122.634.319	2.365.726.854.255	1.099.940.630	9.128.631.822.393
2. Tài sản bộ phận phân bổ	136.516.702.239	9.937.997.481	2.615.262.495	13.076.312.475	162.146.274.690
3. Tài sản không phân bổ					66.792.522.817
Tổng tài sản	3.302.199.095.428	3.606.060.631.800	2.368.342.116.750	14.176.253.105	9.357.570.619.900
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1.475.330.421.421	67.134.205.431	2.378.458.626.325	4.672.524.658	3.925.595.777.835
2. Nợ phải trả bộ phận phân bổ	81.324.438.480	5.920.169.851	1.557.939.434	7.789.697.172	96.592.244.938
3. Nợ phải trả không phân bổ					95.276.544.318
Tổng công nợ	1.556.654.859.901	73.054.375.282	2.380.016.565.759	12.462.221.830	4.117.464.567.091

2. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý:

Hoạt động của Công ty mẹ chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. Tiền và tương đương tiền (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	97.586.291	91.221.038
Tiền gửi ngân hàng	1.482.656.825.072	1.222.562.343.130
<i>Trong đó: Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>	<i>1.478.151.835.209</i>	<i>1.220.193.211.104</i>
Các khoản tương đương tiền	681.000.000.000	289.000.000.000
Cộng	2.163.754.411.363	1.511.653.564.168

2. Tình hình đầu tư tài chính (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số lượng (CP)	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014				
Chứng khoán thương mại	5.146.309	173.849.226.227	(43.909.377.438)	129.939.848.789
Cổ phiếu Niêm yết	2.277.007	97.037.680.167	(5.430.496.901)	91.607.183.266
Cổ phiếu Chưa Niêm yết	2.869.302	76.811.546.060	(38.478.880.537)	38.332.665.523
Trái phiếu	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.603.000.000.000	-	1.603.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.603.000.000.000	-	1.603.000.000.000
Chứng khoán đầu tư	18.649.024	902.549.637.699	(32.209.269.330)	870.340.368.369
Chứng khoán sẵn sàng để bán	18.649.024	902.549.637.699	(32.209.269.330)	870.340.368.369
- Cổ phiếu Niêm yết	9.640.630	224.081.020.304	(5.263.339.840)	218.817.680.464
- Cổ phiếu Chưa Niêm yết	2.828.369	45.179.487.167	(26.945.929.490)	18.233.557.677
- Trái phiếu	6.180.025	633.289.130.228	-	633.289.130.228
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
Vốn góp liên doanh, liên kết	-	-	-	-
Đầu tư tài chính khác	11.766.999	538.617.000.000	(138.604.500.000)	400.012.500.000
Đầu tư dài hạn khác	11.766.999	538.617.000.000	(138.604.500.000)	400.012.500.000
- Công ty CP Cao Su Hoàng Anh	10.267.000	523.617.000.000	(138.604.500.000)	385.012.500.000
- Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	1.499.999	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Tại ngày 31/12/2013				
Chứng khoán thương mại	10.295.005	202.185.673.088	(42.373.864.135)	159.811.808.953
Cổ phiếu Niêm yết	2.025.524	71.372.577.977	(3.894.983.598)	67.477.594.379
Cổ phiếu Chưa Niêm yết	8.269.481	130.813.095.111	(38.478.880.537)	92.334.214.574
Trái phiếu	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.049.000.000.000	-	1.049.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.049.000.000.000	-	1.049.000.000.000
Chứng khoán đầu tư	24.838.288	980.424.576.989	(36.516.328.053)	943.908.248.936
Chứng khoán sẵn sàng để bán	24.838.288	980.424.576.989	(36.516.328.053)	943.908.248.936
- Cổ phiếu Niêm yết	15.829.894	301.955.959.594	(9.708.346.663)	292.247.612.931
- Cổ phiếu Chưa Niêm yết	2.828.369	45.179.487.167	(26.807.981.390)	18.371.505.777
- Trái phiếu	6.180.025	633.289.130.228	-	633.289.130.228
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
Vốn góp liên doanh, liên kết	-	-	-	-
Đầu tư tài chính khác	11.766.999	538.617.000.000	(138.604.500.000)	400.012.500.000
Đầu tư dài hạn khác	11.766.999	538.617.000.000	(138.604.500.000)	400.012.500.000
- Công ty CP Cao Su Hoàng Anh	10.267.000	523.617.000.000	(138.604.500.000)	385.012.500.000
- Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	1.499.999	15.000.000.000	-	15.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết dự phòng Đầu tư Chứng khoán ngắn hạn				
Chi tiêu	Số lượng (CP)	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014				
Chứng khoán thương mại	3.125.209	100.592.740.436	(43.909.377.438)	56.683.362.998
Cổ phiếu niêm yết				
VIC	540.494	42.425.656.109	(2.699.347.110)	39.726.308.999
SVC	6.749	135.157.216	(13.675.217)	121.481.999
BHV	6.054	253.765.058	(204.727.658)	49.037.400
NSP	418.273	4.182.730.000	(2.509.638.000)	1.673.092.000
Cổ phiếu khác	105	4.708.516	(3.108.916)	1.599.600
Cộng niêm yết	971.675	47.002.016.899	(5.430.496.901)	41.571.519.998
Cổ phiếu chưa niêm yết				
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
CTCP Bất Động Sản Đại Nam	70.500	7.050.000.000	(7.050.000.000)	-
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.252.450.000)	1.397.550.000
CTCP Phân Lân Văn Điển	1.420.400	35.488.291.962	(24.125.091.962)	11.363.200.000
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.866	117.720.575	(107.689.575)	10.031.000
Công ty CP đầu tư Kim Tỵ Tháp	260.118	4.284.711.000	(1.943.649.000)	2.341.062.000
Cộng chưa niêm yết	2.153.534	53.590.723.537	(38.478.880.537)	15.111.843.000
Tại ngày 31/12/2013				
Chứng khoán thương mại	2.604.727	60.990.762.035	(42.373.864.135)	18.616.897.900
Cổ phiếu niêm yết				
NSP	418.273	4.182.730.000	(3.513.493.200)	669.236.800
BHV	6.054	253.765.058	(222.284.258)	31.480.800
VNM	20.012	2.823.677.708	(122.057.707)	2.701.620.001
SVC	6.749	135.157.216	(33.922.217)	101.234.999
Cổ phiếu khác	105	4.708.516	(3.226.216)	1.482.300
Cộng niêm yết	451.193	7.400.038.498	(3.894.983.598)	3.505.054.900
Cổ phiếu chưa niêm yết				
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
CTCP Bất Động Sản Đại Nam	70.500	7.050.000.000	(7.050.000.000)	-
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.252.450.000)	1.397.550.000
CTCP Phân Lân Văn Điển	1.420.400	35.488.291.962	(24.125.091.962)	11.363.200.000
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.866	117.720.575	(107.689.575)	10.031.000
Công ty CP đầu tư Kim Tỵ Tháp	260.118	4.284.711.000	(1.943.649.000)	2.341.062.000
Cộng chưa niêm yết	2.153.534	53.590.723.537	(38.478.880.537)	15.111.843.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**- Chi tiết dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn**

Chỉ tiêu	Số lượng (CP)	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014				
Chứng khoán thương mại	4.390.936	81.703.109.813	(32.209.269.330)	49.493.840.483
Cổ phiếu niêm yết				
LAF	771.086	10.931.954.086	(1.833.139.286)	9.098.814.800
GIL	791.481	25.591.668.553	(3.430.200.554)	22.161.467.999
Cộng niêm yết	1.562.567	36.523.622.639	(5.263.339.840)	31.260.282.799
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(7.539.207.774)	3.785.465.000
- Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(14.100.800.000)	1.099.200.000
- Cty CP Việt Tín	629.900	6.654.826.400	(1.621.925.400)	5.032.901.000
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(3.683.996.316)	8.315.991.684
Cộng chưa niêm yết	2.828.369	45.179.487.174	(26.945.929.490)	18.233.557.684
Tại ngày 31/12/2013				
Chứng khoán thương mại	5.672.308	122.922.165.037	(36.516.328.053)	86.405.836.984
Cổ phiếu niêm yết				
LAF	771.086	10.931.954.086	(4.686.157.486)	6.245.796.600
GIL	791.481	25.591.668.553	(3.588.496.754)	22.003.171.799
PDN	1.134.734	38.486.638.584	(1.267.440.783)	37.219.197.801
ELC	146.638	2.732.416.640	(166.251.640)	2.566.165.000
Cộng niêm yết	2.843.939	77.742.677.863	(9.708.346.663)	68.034.331.200
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(7.539.207.774)	3.785.465.000
- Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(14.100.800.000)	1.099.200.000
- Cty CP Việt Tín	629.900	6.654.826.400	(1.483.977.300)	5.170.849.100
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(3.683.996.316)	8.315.991.684
Cộng chưa niêm yết	2.828.369	45.179.487.174	(26.807.981.390)	18.371.505.784

3. Chi phí trả trước dài hạn (đơn vị tính: VND)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tư vấn trả trước	84.777.681	172.237.860
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	341.257.965	176.354.964
Tổng Cộng	426.035.646	348.592.824

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Tài sản cố định hữu hình (đơn vị tính: VNĐ)**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	2.609.391.520	60.988.399.034	14.504.261.403	67.760.000	78.169.811.957
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	(202.483.842)	-	-	(202.483.842)
- Bán thanh lý	-	(202.483.842)	-	-	(202.483.842)
Ngày 31 tháng 3 năm 2014	2.609.391.520	60.785.915.192	14.504.261.403	67.760.000	77.967.328.115
Giá trị hao mòn:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	2.202.918.913	49.583.590.914	6.772.868.566	31.621.333	58.590.999.726
Tăng trong kỳ	112.317.288	1.345.855.449	372.726.735	3.387.999	1.834.287.471
Khấu hao	112.317.288	1.345.855.449	372.726.735	3.387.999	1.834.287.471
Giảm trong kỳ	-	(202.483.842)	-	-	(202.483.842)
- Bán thanh lý	-	(202.483.842)	-	-	(202.483.842)
Ngày 31 tháng 3 năm 2014	2.315.236.201	50.726.962.521	7.145.595.301	35.009.332	60.222.803.355
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	406.472.607	11.404.808.120	7.731.392.837	36.138.667	19.578.812.231
Ngày 31 tháng 3 năm 2014	294.155.319	10.058.952.671	7.358.666.102	32.750.668	17.744.524.760

5. Tài sản cố định vô hình (đơn vị tính: VNĐ)

Khoản mục	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	44.794.849.643	109.671.558.000	1.656.576.688	156.122.984.331
Tăng trong kỳ	2.635.122.090	-	387.000.000	3.022.122.090
- Mua mới	2.635.122.090	-	387.000.000	3.022.122.090
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 3 năm 2014	47.429.971.733	109.671.558.000	2.043.576.688	159.145.106.421
Hao mòn lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	38.895.118.876	-	1.636.716.788	40.531.835.664
Tăng trong kỳ	1.012.974.227	-	31.830.227	1.044.804.454
- Khấu hao	1.012.974.227	-	31.830.227	1.044.804.454
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 3 năm 2014	39.908.093.103	-	1.668.547.015	41.576.640.118
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	5.899.730.767	109.671.558.000	19.859.900	115.591.148.667
Ngày 31 tháng 3 năm 2014	7.521.878.630	109.671.558.000	375.029.673	117.568.466.303

6. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (đơn vị tính: VNĐ)

Tiền nộp ban đầu và bổ sung hàng năm	13.960.535.062
Tiền lãi phân bổ hàng năm	6.022.376.734
Tổng Cộng	19.982.911.796

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Các khoản phải thu (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Phải thu khách hàng	1.670.574.287.201	913.645.353.416
- Phải thu KH về nghiệp vụ ký quỹ	1.567.100.998.810	647.585.181.717
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	97.728.868.369	260.694.246.604
- Phải thu phí tư vấn	2.010.440.630	1.701.845.703
- Phải thu khác	3.733.979.392	3.664.079.392
2. Phải thu hoạt động giao dịch CK	9.641.604.511	185.010.262
- Phải thu sở giao dịch	94.88.140.000	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	153.464.511	185.010.262
3. Thuế GTGT khấu trừ	96.708.354	54.592.720
4. Phải thu khác	595.887.968.370	659.153.321.374
- Phải thu tổ chức phát hành – cổ tức, trái tức	53.512.444.651	38.568.575.117
- Phải thu vốn ủy thác đầu tư	400.267.969.020	480.267.969.020
- Phải thu SSIAM	57.656.759.273	47.974.451.577
- Phải thu lãi hợp đồng tiền gửi	6.726.854.255	4.273.077.705
- Phải thu hợp đồng môi giới trái phiếu, tiền cọc	75.000.000.000	85.300.000.000
- Phải thu khác	2.723.941.171	2.769.247.955

8. Ứng trước cho người bán:

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ứng trước cho người bán	7.636.381.918	8.066.208.100

9. Phải thu dài hạn khác:

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu vốn ủy thác đầu tư dài hạn	1.281.453.170.365	1.166.453.170.365
- Phải thu lãi HĐ ủy thác đầu tư dài hạn	204.518.587.608	160.686.260.322
Cộng	1.485.971.757.973	1.327.139.430.687

10. Dự phòng các khoản phải thu (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự phòng phải thu khó đòi phí tư vấn	(910.500.000)	(910.500.000)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác ngắn hạn	(75.461.581.237)	(90.218.875.426)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác dài hạn	(77.605.572.519)	(92.442.679.860)
Cộng	(153.977.653.756)	(183.572.055.286)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Các khoản chi phí phải trả (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả SGDCK & TTLKCK	6.349.664.548	3.209.600.655
Phải trả SSIAM tiền phí quản lý danh mục	2.124.805.431	3.650.458.434
Chi phí lãi hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán, hợp đồng đặt cọc môi giới chứng khoán	5.874.082.600	1.478.343.260
Chi phí đào tạo, hội thảo, tư vấn	600.000.000	600.000.000
Phí dịch vụ	367.196.818	367.196.818
Trích trước chi phí hội nghị	3.652.524.230	-
Chi phí phải trả khác	15.071.999.597	2.481.464.622
Tổng Cộng	34.040.273.224	11.787.063.789

12. Người mua trả tiền trước (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ứng trước phí tư vấn của khách hàng	4.572.033.750	4.862.033.750
- Ứng trước tiền mua chứng khoán của khách hàng	65.009.400.000	146.009.400.000
Tổng Cộng	69.581.433.750	150.871.433.750

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	509.573.002	(357.160)
Phải trả hợp đồng mua bán chứng khoán	414.581.860.000	414.006.180.000
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	2.128.731.709	50.767.329.469
Phải trả công ty con	140.500.000	140.500.000
Phải trả NĐT – khoản nhận ký quỹ ngắn hạn để thực hiện việc môi giới chứng khoán cho khách hàng	1.495.523.302.760	72.074.263.864
Các khoản khác	4.144.338.018	1.855.818.303
Tổng Cộng	1.917.028.305.489	538.843.734.476

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng	41.817.973	222.307.832
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	57.966.453.502	25.463.581.162
Thuế Thu nhập cá nhân	1.413.244.061	2.337.987.718
Thuế Thu nhập cá nhân nộp hộ	7.456.354.573	4.384.951.982
Các loại thuế khác	4.085.376.383	1.108.348.003
Cộng	70.963.246.492	33.517.176.697

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**Bảng ước tính thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành Quý 1 năm 2014: (đơn vị tính: VNĐ)**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	302.964.434.900
<i>Các khoản điều chỉnh tăng giảm:</i>	
- Các khoản thu nhập cổ tức không chịu thuế	(38.154.931.884)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31.12.2013	(230.391.354.525)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31.03.2014	229.218.787.661
- Chi phí được khấu trừ thuế năm trước chuyển sang	(153.056.592)
Tổng lợi nhuận tính thuế theo thuế suất 22%	263.483.879.561
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp lũy kế đến 31.03.2014	57.966.453.503

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu (đơn vị tính: VNĐ)****15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quý	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	3.537.949.420.000	344.944.356.378	(89.246.317.760)	335.813.119.252	866.129.290.773	4.995.589.868.643
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	244.706.344.237	244.706.344.237
Điều chỉnh bổ sung chi phí thuế theo kê khai thuế	-	-	-	-	(190.160.071)	(190.160.071)
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014	3.537.949.420.000	344.944.356.378	(89.246.317.760)	335.813.119.252	1.110.645.474.939	5.240.106.052.809

15.2 Cổ phiếu

Ngày 31 tháng 03 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
---------------------------	---------------------------

Số lượng cổ phiếu được phép phát hành**Số lượng cổ phiếu đã phát hành**

Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ

- *Cổ phiếu phổ thông***Số lượng cổ phiếu quỹ**

Cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ

- *Cổ phiếu phổ thông***Số lượng cổ phiếu đang lưu hành**- *Cổ phiếu phổ thông*

353.794.942	353.794.942
353.794.942	353.794.942
353.794.942	353.794.942
(3.046.908)	(3.046.908)
(3.046.908)	(3.046.908)
350.748.034	350.748.034
350.748.034	350.748.034

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Tài sản thuế TNDN hoãn lại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	50.659.958.676	50.719.770.447
Cộng	50.659.958.676	50.719.770.447

17. Vay và Nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay thấu chi BIDV (*)	461.668.935.458	358.961.041.321
Cộng	461.668.935.458	358.961.041.321

(*) Đây là khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam ("BIDV") tỷ lệ lãi suất thực áp dụng cho các khoản vay thấu chi ngân hàng là 8%, chi tiết:

Số đầu năm	358.961.041.321
Phát sinh tăng	1.526.056.353.213
Phát sinh giảm	1.423.348.459.076
Số cuối kỳ	461.668.935.458

18. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ):

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	1.211.439.698.077	1.034.904.144.342
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	248.085.641.600	94.665.215.100
Phải trả Sở GDCK HCM	-	3.754.961.000
Cộng	1.459.525.339.677	1.133.324.320.442

19. Chi tiết doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý 1-2014	Quý 1-2013
Cổ tức	38.154.931.884	29.395.068.320
Trái tức	16.529.671.234	17.039.397.260
Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	134.569.025.947	4.940.062.138
Doanh thu tự doanh từ UTDM tại SSIAM	33.538.798.299	3.929.984.115
Doanh thu hoạt động đầu tư khác	1.990.400.000	969.000.000
Tổng cộng	224.782.827.364	56.273.511.833

20. Chi tiết doanh thu khác (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý 1-2014	Quý 1-2013
Lãi tiền gửi	38.706.027.114	76.501.281.145
Doanh thu phí ứng trước	2.821.789.446	2.109.208.035
Doanh thu từ nghiệp vụ ký quỹ	35.690.967.982	13.130.998.333
Doanh thu khác	430.546.658	306.498.432
Tổng cộng	77.649.331.200	92.047.985.945

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ)**

	Quý 1-2014	Quý 1-2013
Chi phí môi giới chứng khoán	18.193.463.473	8.903.189.703
Chi phí tự doanh chứng khoán	6.409.613.692	21.253.392.833
Chi phí hoạt động tư vấn	111.046.765	-
Chi phí dự phòng	(32.365.946.950)	(108.381.762.631)
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	15.578.251.562	39.404.636.760
Trả lãi nhà đầu tư	3.209.078.824	3.441.090.311
Trả lãi tiền vay	1.317.329.115	2.361.086.071
Chi phí khác	11.051.843.623	33.602.460.378
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	69.984.185.903	50.020.415.451
Chi phí lương	43.418.368.265	26.201.475.786
Chi phí bảo hiểm các loại theo lương	1.862.403.929	1.604.790.612
Chi phí đào tạo, chi phí nhân viên khác	4.311.019.413	693.945.361
Chi phí vật liệu, VPP, công cụ	1.228.940.847	477.370.277
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.673.220.603	4.744.550.975
Chi phí thuê văn phòng	6.131.653.278	6.334.890.380
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.265.605.655	9.950.565.540
Chi phí khác	92.973.913	12.826.520
Tổng cộng	77.910.614.445	11.199.872.116

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý 1-2014	Quý 1-2013
Chi phí nhân viên	2.808.783.839	2.404.132.928
Chi phí khấu hao và phân bổ	205.871.322	83.606.250
Tổng cộng	3.014.655.161	2.487.739.178

23. Lợi nhuận khác

	Quý 1-2014	Quý 1-2013
Thu nhập khác		
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.000.000	-
Thu nhập từ lãi phạt thực hiện hợp đồng	1.203.736.111	15.244.388.889
Thu nhập khác	20.801.824	1.038.083.400
Cộng	1.225.537.935	16.282.472.289
Chi phí khác		
Chi phí khác	600.019	-
Cộng	600.019	-
	1.224.937.916	16.282.472.289

24. Nghiệp vụ với các bên có liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Quý đầu tư thành viên SSI	Công ty con 80% sở hữu
Công ty TNHH Tư Vấn và đầu tư NDH Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH
Công ty TNHH NDH Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con 100% sở hữu
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	Công ty nhận vốn đầu tư và có Chủ tịch HĐQT là em của Chủ tịch HĐQT SSI
Ngân Hàng ANZ	Cổ đồng chiến lược
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đồng chiến lược
Công ty CP Xuyên Thái Bình (PAN)	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ tịch Hội đồng quản trị của PAN, Phó Tổng Giám đốc Công ty PAN là Trưởng Ban Kiểm soát của SSI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**Các khoản phải thu:**

Công ty liên quan	Số đầu quý Phải thu	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý Phải thu
Quý đầu tư thành viên Góp vốn đầu tư	312.000.000.000	-	-	312.000.000.000
Công ty TNHH NDH Việt Nam Phí dịch vụ chứng khoán	-	80.994.490	80.994.490	-
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời Góp vốn đầu tư	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Phí dịch vụ chứng khoán	-	66.558.892	66.558.892	-
Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	85.300.000.000	49.500.000.000	59.800.000.000	75.000.000.000
Lãi đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	-	1.203.736.111	1.203.736.111	-
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	-	10.800.702.000	-	10.800.702.000
Cty CP Xuyên Thái Bình Phí giao dịch chứng khoán	-	237.618.835	237.618.835	-
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI Góp vốn đầu tư	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Phí giao dịch chứng khoán	-	367.846.416	367.846.416	-
Ủy thác danh mục đầu tư	1.646.721.139.385	130.000.000.000	95.000.000.000	1.681.721.139.385
Thu nhập ròng từ danh mục ủy thác	208.660.711.899	60.987.549.351	7.472.914.369	262.175.346.881
Ngân Hàng ANZ Tiền gửi của nhà đầu tư	63.187.398	-	-	63.187.398

Các khoản phải trả:

Công ty liên quan	Số đầu quý Phải trả	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý Phải trả
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	1.300.000.000	15.000.000.000	14.900.000.000	1.400.000.000
Công ty CP Xuyên Thái Bình Ứng mua chứng khoán	50.100.000.000	-	-	50.100.000.000
Ứng trước hợp đồng tư vấn	30.000.000	-	-	30.000.000
Nhận cọc hợp đồng môi giới chứng khoán	-	225.647.907.863	20.050.000.000	205.597.907.863
Lãi nhận cọc hợp đồng môi giới chứng khoán	-	724.612.724	724.612.724	-
Chi phí thuê kho và dịch vụ	-	300.563.076	300.563.076	-
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI Phí quản lý danh mục	3.650.458.434	5.947.261.366	7.472.914.369	2.124.805.431

Các giao dịch với các bên liên quan khác :

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong Quý 1/2014 là 2.271.726.250 đồng (bao gồm cả thuế Thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

25. Thuyết minh bổ sung

Tại ngày 31.03.2014, tỷ lệ sở hữu (biểu quyết) của phần tự doanh công ty và phần ủy thác tại công ty con SSIAM trên số lượng cổ phiếu lưu hành của các mã cổ phiếu như sau:

Số TT	Mã cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (biểu quyết)
1	BBC	19.98%
2	GIL	19.98%
3	LAF	19.92%
4	NSC	19.75%
5	PAN	19.56%
6	TMS	19.98%
7	VFG	19.98%
8	SSC	19.89%
9	ELC	19.99%

Lợi nhuận trước thuế Quý 1/2014 của Công ty là 302.964.434.900 đồng, trong đó đã có 18.156.699.541 đồng là hoàn nhập chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán của ELC, GIL, LAF; 11.220.677.400 đồng là cổ tức nhận được trong kỳ của VFG, ELC, PAN. Các khoản chi phí hoàn dự phòng và cổ tức này sẽ không được tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1/2014 do các công ty này là các công ty liên kết trong báo cáo tài chính hợp nhất của SSI. Kết quả hoạt động kinh doanh quý 1/2014 của các công ty liên kết này sẽ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1/2014 của Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Trong quý 1.2014, Công ty đã giảm tỷ lệ sở hữu tại CTCP Hùng Vương nên HVG không còn là công ty liên kết của Công ty trên báo cáo tài chính hợp nhất, và khoản đầu tư vào HVG sẽ được ghi nhận là 1 khoản đầu tư tài chính dài hạn. Điều này có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2014, Công ty sẽ ghi nhận một khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận từ các công ty liên kết là 57,3 tỷ đồng, đây chính là chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư và giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư vào HVG tại ngày 31/12/2013.

TPHCM, ngày 17 tháng 04 năm 2014

Người Lập Biểu

Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Minh Thủy



Phó Tổng Giám Đốc

Nguyễn Hồng Nam